TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày 16/9/2024.
V/v: "Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ-TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đương và bà Phan Thị Ánh Duyên.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Hà Thị Phương Chinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Khánh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐST – HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Kiều Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Nguyễn Phú B, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh B vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1,Tại đơn khởi kiện ngày 10/7/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kiều Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Phú B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/9/1999 tại UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn chị về chung

sống cùng anh B tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không bảo ban được nhau, thường xuyên cãi vã nhau nên chung sống không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Đến năm 2006 chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B có 01 con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19/3/2001. Cháu D đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết.

2, P bị đơn anh Nguyễn Phú B: Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh B đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/8/2024 ông Nguyễn Văn H1 (bố đẻ anh B) trình bày: Anh B và chị H được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn ngày 19/9/1999 tại UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2006 mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở và ra ngoài làm ăn, từ đó không quay về chung sống cùng anh B nữa. Anh chị ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Chị H và anh B có 01 con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19/3/2001. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thì cháu D ở cùng nhà anh B. Hiện nay cháu D trưởng thành và làm lao động tự do. Nay chị H xin ly hôn ông đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về các văn bản tố tụng Tòa án giao cho anh B, ông đều đã nhận thay và giao lại cho anh B. Anh B biết rõ việc chị H xin ly hôn anh, nhưng do bận đi làm nên anh B không đến Tòa án làm việc được.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Tuy Lộc ngày 07/8/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị H, anh B đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/9/1999 tại UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị tự mâu thuẫn với nhau trong cuộc sống vợ chồng, anh chị không hợp nhau nên chung sống không hạnh phúc. Đến năm 2006, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Từ

năm 2006 đến nay chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Từ đó không quay về chung sống cùng anh B nữa. Chị H, anh B có 01 con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19/3/2001. Từ khi chị H về nhà bố mẹ đẻ ở thì cháu D ở cùng anh B và bố mẹ đẻ anh B. Hiện nay cháu D đã trưởng thành và đang làm lao động tự do. Nay chị H xin ly hôn anh B đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy đinh tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị H được ly hôn anh Nguyễn Phú B.

Về con chung: Cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19/3/2001 đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh B có hộ khẩu thường trú tại khu T, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị H có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh B đã được Toà án gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh B vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh B là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện S (nay là huyện C), tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 19/9/1999 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2006 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng chị đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở, vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Phía anh B được Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh B có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị H và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Bố đẻ anh B là ông Nguyễn Văn H1 xác nhận sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2006 mâu thuẫn của anh chị trở nên trầm trọng thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị ly thân từ đó đến nay. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị H và anh B được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, không bảo ban được nhau nên chung sống không hạnh phúc, hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng anh chị ly thân từ năm 2006 đến nay không ai quan tâm đến ai. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị H và anh B đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu thương. Vì vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh B là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh B có 01 con chung là Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19/3/2001. Cháu D đã thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động tự túc. Khi ly hôn chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 4 Điều 207; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Kiều Thị H được ly hôn anh Nguyễn Phú B.

[2]. Về con chung: Cháu Nguyễn Mạnh D, sinh ngày 19/3/2001 đã thành niên (đủ 18 tuổi), chị H không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Kiều Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004922 ngày 16/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã T;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền